

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số: 89/QĐ-ĐHKG ngày 25 tháng 8 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang)*

Tên chương trình: **Giáo dục Tiểu học (Primary Education)**
Trình độ đào tạo: **Đại học**
Ngành đào tạo: **Giáo dục Tiểu học (Primary Education)**
Mã số: **7140202**

I. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (POs)

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo giáo viên Tiểu học có trình độ cử nhân, có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có tinh thần trách nhiệm với xã hội. Sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về nghiệp vụ sư phạm, phương pháp dạy học tích cực; những kiến thức, kỹ năng chuyên sâu về dạy học và giáo dục, kiểm tra đánh giá ở trường Tiểu học; có năng lực lập kế hoạch tổ chức giáo dục và dạy học; có kỹ năng tự học và phát triển tư duy sáng tạo.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo cung cấp cho sinh viên:

Cử nhân ngành Giáo dục Tiểu học có khả năng:

- *Về kiến thức:*

PO1. Chương trình đào tạo Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; Có tri thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội và nhân văn;

PO2. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ, toán học, văn học, tự nhiên, xã hội, hoạt động trải nghiệm, đạo đức, công nghệ và nghệ thuật để học tập, nghiên cứu và giảng dạy ở tiểu học.

- *Về kỹ năng:*

PO3. Hướng dẫn sinh viên vận dụng được kiến thức để phát huy tính tự giác, tinh thần trách nhiệm, có lập trường, tư tưởng kiên định, bản lĩnh chính trị vững vàng, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch;

PO4. Có các kỹ năng ngoại ngữ, công nghệ thông tin và các kỹ năng mềm; từ đó vận dụng vào cuộc sống, học tập và công việc sau này;

PO5. Hình thành và phát triển cho sinh viên năng lực chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng Chuẩn nghề nghiệp giáo viên theo chương trình giáo dục phổ thông mới; Rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng mềm phù hợp với chuyên ngành Giáo dục Tiểu học.

- *Về thái độ:*

PO6. Kích thích tư duy, tạo hứng thú để sinh viên có ý thức trong học tập để giúp sinh viên tin tưởng vào nền tảng tư tưởng của Đảng và xây dựng niềm tin, lý tưởng cách

mạng; Giúp sinh viên có ý thức được trong hoạt động nhận thức, hoạt động thực tiễn từ đó làm theo quy luật, tôn trọng quy luật; Hình thành và phát triển cho sinh viên phẩm chất cá nhân, phẩm chất nghề nghiệp và phẩm chất xã hội phù hợp với Chuẩn nghề nghiệp giáo viên hiện hành.

II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PLOs)

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo, sinh viên có khả năng:

2.1. Học phần khối kiến thức đại cương

PLO1: Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học chính trị, pháp luật vào các vấn đề thực tiễn.

PLO2: Vận dụng được kiến thức giáo dục An ninh - Quốc phòng và đạt năng lực thể chất.

PLO3: Sử dụng ngoại ngữ đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT). Việc quy đổi, công nhận một số chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho người Việt Nam được thực hiện theo quy định hiện hành.

PLO4: Có trình độ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (theo Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT BGDĐT-BTTTT).

PLO5: Thể hiện năng lực dẫn dắt về chuyên môn và nghiệp vụ đã được đào tạo, khả năng tự định hướng và thích nghi với môi trường làm việc, năng lực học tập suốt đời và động cơ khởi nghiệp.

PLO6: Tuân thủ pháp luật, thể hiện sự hiểu biết về chuẩn mực đạo đức và ý thức trách nhiệm đối với công việc và cộng đồng.

2.2. Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành

PLO7: Vận dụng kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học, giáo dục học, tâm lý học vào hoạt động chuyên môn và công tác chủ nhiệm ở trường Tiểu học.

PLO8: Vận dụng nghiệp vụ sư phạm và những thành tựu mới về khoa học giáo dục để tổ chức và đánh giá quá trình dạy và học, thiết kế chương trình môn học ở trường Tiểu học.

PLO9: Vận dụng được kiến thức và năng lực toán học vào dạy học ở Tiểu học.

PLO10: Vận dụng được kiến thức, năng lực tiếng Việt, Văn học,... vào dạy học ở Tiểu học.

PLO11: Vận dụng được các kiến thức về khoa học tự nhiên; khoa học xã hội vào dạy học và giáo dục ở Tiểu học.

PLO12: Vận dụng được các kiến thức về môi trường, giáo dục đạo đức; nghệ thuật vào dạy học và giáo dục ở Tiểu học.

PLO13: Áp dụng được lý luận dạy học vào hoạt động dạy và học ở Tiểu học.

PLO14: Thể hiện được năng lực chung và năng lực đặc thù để giải quyết vấn đề thực tiễn và hoạt động chuyên môn ở trường Tiểu học. ✓

Bảng 1. Quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

Mục tiêu (POs)	Chuẩn đầu ra (PLOs)													
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
PO1	x	x				x								x
PO2				x	x		x		x	x	x	x		
PO3		x				x	x	x	x	x	x	x		x
PO4			x	x				x						
PO5							x	x	x	x	x	x	x	x
PO6	x	x					x	x	x	x	x	x	x	x

Bảng 2. Mức độ đáp ứng của các CĐR CTĐT với khung trình độ Quốc gia
bậc Đại học:

Khung TĐ QG PLOs	Kiến thức					Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
	K T 1	K T 2	K T 3	K T 4	K T 5	K N 1	K N 2	K N 3	K N 4	K N 5	K N 6	TC TN 1	TC TN 2	TC TN 3	TC TN 4
PLO1	x	x			x										
PLO2		x				x									
PLO3											x				
PLO4			x												
PLO5	x			x	x	x	x	x					x	x	x
PLO6		x													
PLO7	x			x	x	x		x				x			
PLO8	x			x		x			x				x	x	
PLO9	x			x					x	x			x	x	
PLO10	x			x					x	x			x	x	
PLO11	x			x					x	x			x	x	x
PLO12	x			x					x	x			x	x	x
PLO13	x			x					x	x			x	x	
PLO14					x	x		x		x			x	x	x

DU
TĐ
Đ.
K:Đ

Sinh viên

III. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 121 tín chỉ

Bảng 3. Cấu trúc kiến thức của chương trình

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ		
		Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
I	Kiến thức giáo dục đại cương	28	24	4
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	93	73	20
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	30	26	4
2.2	Kiến thức chuyên ngành	53	47	6
2.3	Khóa luận tốt nghiệp hoặc tương đương	10	0	10
Tổng cộng:		121	97	24

Nguyễn

Bảng 4. Ma trận giữa các khối kiến thức và PLOs

	Khối kiến thức	Số tín chỉ	Tỷ lệ	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14
I	Kiến thức giáo dục đại cương	28	23,1%	X	X	X	X	X	X								
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	93	76,9%														
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	30	24,8%							X	X	X	X	X	X	X	X
2.2	Kiến thức chuyên ngành	53	43,8%	X				X		X	X	X	X	X	X	X	X
2.3	Khóa luận tốt nghiệp hoặc tương đương	10	8,3%					X		X	X	X	X	X	X	X	X
Tổng cộng		121	100%	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

Chú thích: Đánh giá mức độ đóng góp bằng dấu X.

IV. DANH SÁCH CÁC HỌC PHẦN

ST T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			
				Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm	Bài tập ứng dụng	Tổng
I. Kiến thức giáo dục đại cương			28				
I.1. Khối kiến thức bắt buộc			24				
1	Z25005	Triết học Mác – Lênin	3	37	0	8	45
2	Z25006	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	21	0	9	30
3	Z25007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	24	0	6	30
4	Z25008	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22	0	8	30
5	Z25009	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	0	9	30
6	A25001	Pháp luật đại cương	2	21	0	9	30
7	G25170	Tin học cơ sở	3	30	30	0	60
8	F25016	Tiếng Anh 1 (Toeic)	2	15	0	15	30
9	F25017	Tiếng Anh 2 (Toeic)	3	21	0	24	45
10	F25018	Tiếng Anh 3 (Toeic)	3	21	0	24	45
I.2. Kiến thức bắt buộc (Không tích lũy)			12				
11	Z25010	Giáo dục thể chất 1	1	0	30	0	30
12	Z25011	Giáo dục thể chất 2	1	0	30	0	30
13	Z25012	Giáo dục thể chất 3	1	0	30	0	30

ST T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			
				Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm	Bài tập ứng dụng	Tổng
14	Z25001	Đường lối Quốc phòng và An ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45	0	0	45
15	Z25002	Công tác quốc phòng và an ninh	2	30	0	0	30
16	Z25003	Quân sự chung	2	14	16	0	30
17	Z25004	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	0	60	0	60
1.3. Kiến thức tự chọn			4				
18	A25002	Âm nhạc đại cương	2	15	30	0	45
19	A25013	Thực hành văn bản Tiếng Việt	2	15	30	0	45
20	B25001	Tư duy hệ thống	2	15	30	0	45
21	A25014	Nghệ thuật giao tiếp	2	15	30	0	45
22	C25001	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	2	15	30	0	45
II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			93				
2.1. Kiến thức cơ sở ngành			30				
2.1.1. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc			26				
23	A26016	Cơ sở logic và lý thuyết tập hợp	2	20	0	10	30
24	A26180	Số học	2	20	0	10	30

ST T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			
				Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm	Bài tập ứng dụng	Tổng
25	A26181	Toán sơ cấp ở Tiểu học	2	15	0	15	30
26	A26182	Xác suất thông kê ở Tiểu học	2	20	0	10	30
27	A26183	Cơ sở Tự nhiên - Xã hội	2	15	30	0	45
28	A26184	Giáo dục học –Tiểu học	3	30	30	0	60
29	A26005	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	1	0	30	0	30
30	A26186	Dạy học trải nghiệm ở Tiểu học	2	15	30	0	45
31	A26185	HD giáo dục trong trường Tiểu học	2	15	30	0	45
32	A26194	Tổ chức các hoạt động theo hướng tích hợp ở Tiểu học	2	15	30	0	45
33	A26188	Sinh lý và bệnh lý trẻ em ở Tiểu học	2	20	0	10	30
34	A26189	Tiếng việt 1 - Tiểu học	2	15	30	0	45
35	A26190	Tiếng việt 2 - Tiểu học	2	15	30	0	45
2.1.2. Kiến thức cơ sở ngành tự chọn			4				
36	A26191	Ứng dụng CNTT trong dạy học ở Tiểu học	2	15	30	0	45

2/2021

ST T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			
				Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm	Bài tập ứng dụng	Tổng
37	A26187	Phát triển chương trình Giáo dục Tiểu học	2	15	30	0	45
38	A26192	Rèn luyện chữ viết ở Tiểu học	2	15	30	0	45
39	A26004	Giáo dục so sánh và giáo dục bền vững	2	15	30	0	45
2.2. Kiến thức ngành			53				
2.2.1. Kiến thức ngành bắt buộc			47				
40	A27305	Tâm lý học sư phạm Tiểu học	2	15	30	0	45
41	A27331	Quản lý HCNN và quản lý ngành GD&ĐT	2	20	0	10	30
42	A27306	Lý luận dạy học ở Tiểu học	2	15	30	0	45
43	A27308	Giáo dục hòa nhập	2	15	30	0	45
44	A27309	Văn học thiếu nhi	2	20	0	10	30
45	A27310	Dạy học tác phẩm văn học theo thể loại – Tiểu học	2	20	0	10	30
46	A27311	Phương pháp dạy học Tiếng Việt 1 - Tiểu học	2	15	30	0	45



ST T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			
				Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm	Bài tập ứng dụng	Tổng
47	A27312	Phương pháp dạy học Tiếng Việt 2 - Tiểu học	3	30	30	0	60
48	A27313	Công nghệ và PP dạy học Công nghệ ở Tiểu học.	2	15	30	0	45
49	A27314	Đạo đức và phương pháp dạy học đạo đức ở Tiểu học	2	15	30	0	45
50	A27315	Phương pháp dạy học Toán 1 - Tiểu học	2	15	30	0	45
51	A27316	Phương pháp dạy học Toán 2 - Tiểu học	3	30	30	0	60
52	A27332	Phương pháp dạy học Khoa học tự nhiên và Xã hội	2	15	30	0	45
53	A27318	Tập giảng Tiếng Việt ở Tiểu học	2	0	60	0	60
54	A27319	Tập giảng Toán ở Tiểu học	2	0	60	0	60
55	A27320	Anh văn chuyên ngành - Tiểu học	2	15	30	0	45
56	A27321	Rèn luyện NVSP ở Tiểu học	2	15	30	0	45
57	A27322	Đánh giá kết quả học tập Giáo dục Tiểu học	2	15	30	0	45

✓

ST T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			
				Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm	Bài tập ứng dụng	Tổng
67	A28040	Khóa luận tốt nghiệp – GDTH	10	0	300	0	300
68	A28041	Tiểu luận tốt nghiệp – GDTH	4	0	120	0	120
69	A28042	Trò chơi sư phạm trong DH Toán Tiểu học	2	15	30	0	45
70	A28043	Mỹ thuật và PP dạy học Mỹ thuật	2	15	30	0	45
71	A28045	PPDH Tiếng Việt cho HS dân tộc ở Tiểu học	2	15	30	0	45
72	A28046	Dạy học chính tả ở Tiểu học theo đặc điểm phương ngữ	2	15	30	0	45
73	A28047	Từ vựng học	2	15	30	0	45
74	A28048	Phân tích tác phẩm văn học dân gian trong nhà trường Tiểu học	2	15	30	0	45
75	A28049	Các phương pháp suy luận Toán học ở Tiểu học	2	15	30	0	45

V. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Căn cứ vào chương trình đào tạo Khoa tổ chức xây dựng Kế hoạch giảng dạy phù hợp với hình thức đào tạo của trường theo Quyết định số 498/QĐ-ĐHKG ngày 18 tháng 08 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Kiên Giang.

Căn cứ vào Kế hoạch giảng dạy của khoa, sinh viên chủ động sắp xếp kế hoạch học tập sao cho phù hợp với khả năng, năng lực của mình và đáp ứng được yêu cầu của chương trình đào tạo./.

HIỆU TRƯỞNG
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



[Handwritten signature]

Nguyễn Văn Thành

